

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần	Tuân	3771020340	16/04/1994	2,00	,00	,60	
2	Nguyễn Hồ Minh	Châu	3771020346	05/12/1993	1,00	,00	,30	
3	Phạm Văn	Danh	3771020353	21/05/1994	3,00	2,50	2,70	
4	Nguyễn Kiều	Hưng	3771020356	14/04/1994	1,00	,50	,70	
5	Nguyễn Thành	Vương	3771020359	01/06/1994	4,00	,00	1,20	
6	Dương Minh	Cường	3771020365	02/01/1995	2,00	,00	,60	
7	Chu Đức	Anh	3771020377	18/06/1994	1,00	,00	,30	
8	Hà Kim	Cương	3771020387	17/07/1993	2,00	,00	,60	
9	Phan Công	Lý	3771020397	25/08/1994	2,00	,00	,60	
10	Phạm Văn	Thông	3771020398	26/05/1995	4,00	3,00	3,30	
11	Trịnh Viết	Động	3771020411	08/11/1993	5,00	1,50	2,60	
12	Nguyễn Khắc	Hoàng	3771020414	22/12/1995	2,00	,00	,60	
13	Trần Ngọc	Trung	3771020421	01/11/1995	4,00	7,00	6,10	
14	Nguyễn Đức	Đương	3771020426	22/01/1995	1,50	1,50	1,50	
15	Nguyễn Đức	Trọng	3771020449	01/01/1995	4,00	8,50	7,20	
16	Bùi Hữu	Phúc	3771020453	19/08/1994	4,00	4,30	4,20	
17	Phan Ngọc	Hưng	3771020481	28/02/1994	2,00	,50	1,00	
18	Hồ Quốc	Chí	3771020485	09/09/1994	2,00	,00	,60	
19	Lê Thanh	Quân	3771020493	29/05/1995	3,00	2,00	2,30	
20	Lê Văn	Được	3771020497	20/10/1994	2,00	,00	,60	
21	Nguyễn Thành	Trung	3771020506	17/01/1995	3,00	1,00	1,60	
22	Từ Quốc	Đạt	3771020509	25/06/1994	2,00	,00	,60	
23	Nguyễn Ngọc	Hùng	3771020512	18/05/1994	2,00	1,50	1,70	
24	Đỗ Duy	Thành	3771020513	25/06/1995	2,00	,00	,60	
25	Phan Thanh	Lam	3771020519	01/01/1994	2,00	1,50	1,70	
26	Phạm Khải	Thành	3771020530	28/10/1995	3,00	,00	,90	
27	Mai Quốc	Dân	3771020532	02/01/1994	6,00	1,50	2,90	
28	Nguyễn Hồng	Nghi	3771020534	16/09/1995	5,00	,00	1,50	
29	Nguyễn Thanh	Công	3771020537	20/12/1995	2,00	6,00	4,80	
30	Trần Văn	Hưng	3771020548	08/11/1995	3,00	8,50	6,90	
31	Vũ Văn	Hưng	3771020551	14/04/1994	2,00	2,50	2,40	
32	Đồng Thị Ngọc	Vy	3771020553	21/10/1995	3,00	,00	,90	
33	Nguyễn Thành	Luân	3771020555	19/09/1995	5,00	1,00	2,20	
34	Đoàn Sỹ	Đạt	3771020565	27/08/1995	2,00	,00	,60	
35	Lê Đình	Huân	3771020570	03/04/1995	2,00	6,00	4,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Đức	Mười	3771020574	11/11/1994	5,00	4,30	4,50	
37	Huỳnh Văn	Phú	3771020581	15/02/1995	3,00	1,00	1,60	
38	Phạm Nguyễn Hoàng	Thanh	3771020589	01/09/1995	2,00	1,50	1,70	
39	Lê Văn	Huy	3771020598	14/01/1993	4,00	1,50	2,30	
40	Đoàn Văn	Huyện	3771020600	18/10/1995	5,00	,00	1,50	
41	Nguyễn Việt	Kiều	3771020607	25/05/1995	1,00	,00	,30	
42	Phan Tấn	Vinh	3771020612	12/09/1995	3,00	,50	1,30	
43	Phạm Tấn	Thụy	3771021106	01/01/1995	3,00	5,00	4,40	
44	Nguyễn Thanh	Quốc	3771021144	12/11/1993	2,00	2,50	2,40	
45	Trần Thái	Sang	3771021148	28/10/1990	2,00	,00	,60	
46	Nguyễn Minh	Chánh	3771021266	30/07/1993	1,00	7,50	5,60	
47	Đàm Mạnh	Hoàng	3771021310	23/08/1995	2,00	,00	,60	
48	Nguyễn Thành	Giàu	3771022040	21/09/1995	2,00	6,50	5,20	
49	Nguyễn Huỳnh Tam	Cang	3771022041	13/02/1995	1,00	,00	,30	
50	Nguyễn Thanh	Quý	3771050208	06/09/1994	2,00	,00	,60	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)